

## HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH số 32-CP ngày 5-3-1974**  
về giá thu mua thịt lợn hơi của gia đình nông dân xã viên ở xung quanh các thành phố và khu công nghiệp.

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

*Để khuyến khích việc chăn nuôi lợn của gia đình nông dân xã viên ở xung quanh các thành phố và khu công nghiệp, đồng thời hỗ trợ việc thu mua của Nhà nước;*

*Trong phiên họp Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 30-1-1974,*

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay định giá thu mua trong nghĩa vụ một kilôgam thịt lợn hơi của gia đình nông dân xã viên (lấy loại lợn trọng lượng từ trên 40 kilôgam đến 50 kilôgam một con làm chuẩn) là một đồng chẵn hào rưỡi (1.95 đồng), để áp dụng đối với:

a) **Hà-nội**, gồm một số thôn, xóm nội thành và các huyện Thanh-trị, Từ-liêm, Gia-lâm, Đông-anh;

b) **Hải-phòng**, gồm một số thôn, xóm nội thành, các huyện Thủy-nguyên, An-hải, An-thụy, thị xã Kiến-an và thị trấn Đồ-sơn;

c) **Quảng-ninh**, gồm các huyện Đông-triều, Yên-hưng, Hoàn-hồ (trừ 4 xã rẻo cao), Cẩm-phá (kể cả đảo Cô-tô), và các thị xã Hôn-gai, Cẩm-phá, Ưông-bí.

Đối với một số xã xung quanh các khu công nghiệp khác như thành phố Thái-nguyên, thành phố Việt-trị, vẫn áp dụng giá một đồng tám hào rưỡi (1.85 đồng) một kilôgam theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 284-TTg ngày 31-12-1970.

**Điều 2.** — Việc thay đổi phạm vi áp dụng các giá nội ở điều 1 sẽ do Ủy ban Vật giá Nhà nước quyết định, sau khi thỏa thuận với Ủy

ban Nông nghiệp trung ương, Bộ Nội thương và Bộ Tài chính.

**Điều 3.** — Quyết định này thi hành kể từ ngày 15-3-1974;

**Điều 4.** — Ông chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành quyết định này.

*Hà-nội, ngày 5 tháng 3 năm 1974*

T. M. Hội đồng Chính phủ

K. T. Thủ tướng Chính phủ

*Phó thủ tướng*  
LÊ THANH NGHỊ

**NGHỊ ĐỊNH số 37-CP ngày 12-3-1974**  
ban hành bảng phân ngành kinh tế quốc dân.

### HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

*Để sắp xếp có hệ thống bảng phân ngành kinh tế quốc dân, nhằm thống nhất sử dụng trong công tác quản lý kinh tế, công tác kế hoạch hóa, công tác hạch toán kế toán và thống kê, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc cơ khí hóa tính toán;*

*Theo đề nghị của đồng chí Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;*

*Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 17-10-1973,*

### NGHỊ ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay ban hành kèm theo nghị định này bảng phân ngành kinh tế quốc dân. Bảng này phân các ngành kinh tế thành 3 cấp và thống nhất dùng ký hiệu hàng hệ số thập phân áp dụng chung cho khu vực quốc doanh và khu vực tập thể.

**Điều 2.** — Việc sắp xếp các đơn vị kinh tế cơ sở và cơ quan (dưới đây gọi tắt là xí nghiệp, cơ quan) vào các ngành thích hợp phải căn cứ vào nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị đó và



lấy đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, đơn vị dự toán làm cơ sở.

**Điều 3.** — Tổng cục Thống kê có trách nhiệm :

— Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi tắt là các Bộ, các Ủy ban hành chính tỉnh) thi hành đúng việc phân ngành kinh tế quốc dân theo các quy định của Hội đồng Chính phủ.

— Căn cứ vào bảng phân ngành kinh tế quốc dân do Hội đồng Chính phủ ban hành, lập và ban hành bảng danh mục các xí nghiệp, cơ quan ; hướng dẫn công tác thống kê, công tác tính toán, ghi chép và tổng hợp, phân bổ các chỉ tiêu báo cáo ; bổ sung vào vị trí dự trữ của bảng phân ngành kinh tế quốc dân khi hình thành thêm các ngành mới.

**Điều 4.** — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt-nam căn cứ vào bảng phân ngành kinh tế quốc dân do Hội đồng Chính phủ ban hành, trao đổi ý kiến thống nhất với Tổng cục Thống kê, ra các văn bản hướng dẫn công tác quản lý của ngành mình.

**Điều 5.** — Các Bộ, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào nhiệm vụ chủ yếu của xí nghiệp, cơ quan thuộc quyền quản lý của mình, tiến hành xác định và đánh số (ký hiệu) các xí nghiệp, cơ quan theo bảng danh mục các xí nghiệp, cơ quan do Tổng cục Thống kê ban hành. Khi hình thành các xí nghiệp mới hoặc thay đổi nhiệm vụ chủ yếu của xí nghiệp phải bổ sung hoặc đánh số lại xí nghiệp đó và đăng ký với Tổng cục Thống kê.

**Điều 6.** — Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ; nay bãi bỏ nghị định 82-CP ngày 3 tháng 6 năm 1963 của Hội đồng Chính phủ, thông tư 51-TTg cùng ngày và thông tư 76-TTg ngày 7 tháng 5 năm 1966 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phân ngành kinh tế.

**Điều 7.** — Các đồng chí Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 12 tháng 3 năm 1974

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

**Phó thủ tướng**  
**LÊ THANH NGHỊ**

## BẢNG PHÂN NGÀNH KINH TẾ QUỐC DÂN

(ban hành kèm theo nghị định số 37-CP ngày 12 tháng 3 năm 1974 của Hội đồng Chính phủ)

Các ngành trong nền kinh tế quốc dân được chia thành 3 cấp và thống nhất dùng ký hiệu bằng hệ số thập phân, như sau :

Tên gọi	Ký hiệu			Số chữ số
	1	2	3	
— Ngành cấp I	×			1
— Ngành cấp II	×	×		2
— Ngành cấp III	×	×	×	3

### 0 CÔNG NGHIỆP

#### 01. Công nghiệp năng lượng, khai thác chế biến nhiên liệu :

- 011 Công nghiệp năng lượng
- 012 Công nghiệp nhiên liệu.

#### 02. Công nghiệp luyện kim :

- 021 Công nghiệp luyện kim đen
- 022 Công nghiệp luyện kim màu.

#### 03. Công nghiệp chế tạo và sửa chữa thiết bị máy móc và sản phẩm bằng kim loại :

- 031 Công nghiệp chế tạo thiết bị máy móc sản xuất và linh kiện
- 034 Công nghiệp đóng tàu và chế tạo các phương tiện vận tải và thông tin

- 036 Công nghiệp chế tạo thiết bị máy móc về điện, điện tử và thông tin  
 037 Công nghiệp chế tạo máy và dụng cụ chính xác  
 038 Công nghiệp chế tạo các sản phẩm khác bằng kim loại  
 039 Công nghiệp sửa chữa.

#### 04. Công nghiệp hóa chất:

- 041 Công nghiệp khai thác nguyên liệu mỏ hóa chất  
 042 Công nghiệp hóa vô cơ (trừ phân bón)  
 043 Công nghiệp phân bón  
 044 Công nghiệp hóa hữu cơ  
 045 Công nghiệp dược phẩm  
 046 Công nghiệp cao su chất dẻo và a-miăng  
 049 Công nghiệp hóa chất khác.

#### 05. Công nghiệp vật liệu xây dựng, sành sứ, thủy tinh, đá, gỗ và lâm sản:

- 051 Công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu  
 052 Công nghiệp sản xuất các cấu kiện xây dựng  
 053 Công nghiệp sành sứ, thủy tinh và đá  
 054 Công nghiệp khai thác gỗ và lâm sản  
 055 Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản  
 056 Công nghiệp xen luy lô và giấy.

#### 06. Công nghiệp lương thực, thực phẩm:

- 061 Công nghiệp xay xát, chế biến lương thực  
 062 Công nghiệp khai thác và chế biến thủy sản  
 063 Công nghiệp chế biến thịt, sữa, trứng...  
 064 Công nghiệp muối  
 065 Công nghiệp chế biến rau, quả  
 066 Công nghiệp nước uống, rượu, bia, men  
 067 Công nghiệp đường, bánh kẹo  
 068 Công nghiệp chè, cà phê, thuốc lá  
 069 Công nghiệp lương thực, thực phẩm khác.

#### 07. Công nghiệp dệt, da, may mặc:

- 072 Công nghiệp dệt vải  
 073 Công nghiệp dệt kim và thêu đan

- 074 Công nghiệp dệt khác  
 075 Công nghiệp may mặc  
 076 Công nghiệp thuộc da đóng giày.

#### 08. Công nghiệp in và sản xuất các loại văn hóa phẩm:

- 081 Công nghiệp in  
 082 Công nghiệp sản xuất nhạc cụ, đạo cụ  
 083 Công nghiệp in, tráng phim, đĩa hát  
 084 Công nghiệp sản xuất dụng cụ dạy và học  
 085 Công nghiệp sản xuất dụng cụ thể dục thể thao  
 086 Công nghiệp sản xuất đồ chơi trẻ em  
 089 Công nghiệp in và sản xuất các loại văn hóa phẩm khác.

#### 09. Công nghiệp khác:

- 091 Chế biến thức ăn gia súc  
 092 Sản xuất nước  
 093 Thăm dò khoáng sản để khai thác  
 099 Các ngành khác.

### 1 XÂY DỰNG

- 110 Xây dựng công nghiệp và kho tàng, cửa hàng  
 120 Xây dựng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy lợi  
 130 Xây dựng giao thông, vận tải, thông tin bưu điện  
 140 Xây dựng công trình văn hóa, y tế, giáo dục, cơ quan  
 150 Xây dựng nhà ở  
 160 Thăm dò, thiết kế xây dựng  
 190 Xây dựng khác.

### 2 NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP

#### 21. Nông nghiệp:

- 211 Trồng trọt  
 212 Chăn nuôi  
 213 Nuôi trồng thủy sản  
 214 Thủy lợi  
 219 Nông nghiệp khác.



**22. Lâm nghiệp:**

- 221 Trồng rừng  
222 Nuôi rừng.

**3 THƯƠNG NGHIỆP, CUNG ỨNG VẬT TƯ****31. Nội thương:**

- 311 Thương nghiệp buôn bán  
312 Thương nghiệp bán lẻ  
313 Ăn uống công cộng

**32. Ngoại thương:****33. Cung ứng vật tư:****4 GIAO THÔNG VẬN TẢI, BƯU ĐIỆN****41. Giao thông vận tải:**

- 411 Vận tải đường sắt  
412 Vận tải đường bộ  
413 Vận tải đường thủy  
414 Vận tải hàng không  
416 Vận tải đường ống  
419 Vận tải khác.

**42. Bưu điện:****5 SẢN XUẤT VẬT CHẤT KHÁC**

- 510 Xuất bản  
520 Dụng phẩm  
590 Các ngành khác.

**6 TÍN DỤNG, BẢO HIỂM NHÀ NƯỚC****61. Tín dụng:**

- 611 Ngân hàng Nhà nước  
612 Ngân hàng kiến thiết  
613 Ngân hàng ngoại thương  
614 Tín dụng hợp tác xã  
615 Tiết kiệm, sổ sổ.

**62. Bảo hiểm Nhà nước:****7 PHỤC VỤ CÔNG CỘNG VÀ PHỤC VỤ SINH HOẠT**

- 710 Quản lý nhà, đất  
720 Khách sạn, nhà trọ

- 730 Phục vụ sinh hoạt ở các thành phố, thị trấn, thị xã  
740 Các cơ sở cho thuê, cho mượn  
790 Phục vụ công cộng và sinh hoạt khác.

**8 NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, GIÁO DỤC, VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, Y TẾ VÀ XÃ HỘI****81. Nghiên cứu khoa học:**

- 811 Nghiên cứu khoa học tự nhiên  
812 Nghiên cứu khoa học kỹ thuật  
813 Nghiên cứu khoa học nông, lâm, ngư nghiệp  
814 Nghiên cứu y học  
815 Nghiên cứu khoa học xã hội  
816 Phục vụ khoa học  
817 Điều tra tài nguyên và khoáng sản có ích  
818 Điều tra điều kiện thiên nhiên  
819 Điều tra khác.

**82. Giáo dục và đào tạo:**

- 821 Mẫu giáo  
822 Giáo dục phổ thông  
823 Đào tạo công nhân  
824 Trung học chuyên nghiệp  
825 Đại học  
829 Giáo dục khác.

**83. Văn hóa nghệ thuật:**

- 831 Truyền thanh, truyền hình  
832 Chiến bóng  
833 Biểu diễn nghệ thuật  
834 Thư viện  
835 Câu lạc bộ, cung văn hóa, nhà văn hóa  
836 Nghệ thuật tạo hình, mỹ nghệ  
837 Bảo tồn, bảo tàng  
839 Văn hóa, nghệ thuật khác.

**84. Thể dục, thể thao:**

- 841 Thể dục, thể thao  
842 Du lịch tham quan

**85. Y tế và xã hội:**

- 851 Vệ sinh phòng dịch  
852 Bệnh viện, bệnh xá

- 853 Điều dưỡng
- 854 Nhà trẻ
- 855 Nuôi trẻ mồ côi, người tàn tật mất sức
- 856 Nuôi dưỡng thương binh
- 857 Trại cải tạo lao động
- 858 An dưỡng
- 859 Nghỉ mát.

## 9 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THÈ VÀ CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

- 910 Quản lý Nhà nước
- 920 Đảng, đoàn thè
- 930 Các tổ chức quần chúng.

T. M. Hội đồng Chính phủ  
K. T. Thủ tướng Chính phủ

*Phó thủ tướng*  
**LÊ THANH NGHỊ**

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

### **CHỈ THỊ số 45-TTg ngày 8-3-1974 về công tác trồng cây xanh ở các đô thị.**

Từ sau ngày miền Bắc được giải phóng, công tác trồng cây làm xanh tươi lại đất nước đã được Trung ương Đảng, Chính phủ và nhất là Hồ Chủ tịch hết sức quan tâm. Đảng và Chính phủ đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị vạch ra phương hướng và nhiệm vụ cho công tác trồng cây, gây rừng thực hiện việc trồng cây trong cả nước.

Công tác cây xanh đô thị là một bộ phận của công tác trồng cây của đất nước. Đến nay các thành phố, thị xã, thị trấn đã tích cực đẩy mạnh công tác cây xanh và đạt được một số thành tích bước đầu:

— Đã trồng được nhiều cây bóng mát, cây phong cảnh cho đường phố, khu nhà ở, những nơi sinh hoạt văn hóa công cộng. Trồng được những đai cây xanh ở ngoại ô có tác dụng phòng

hộ cho thành phố. Trong những năm 1965 về trước một số thành phố, thị xã đã xây dựng công viên, vườn hoa bằng cách cải tạo những khu đất hoang và ao hồ mất vệ sinh thành vườn hoa đẹp đẽ. Nhờ đó mà diện tích cây xanh đô thị được tăng lên gấp từ 3 đến 5 lần so với thời gian trước ngày miền Bắc được giải phóng.

— Công tác trồng thêm cây và xây dựng các công viên, vườn hoa ở đô thị vừa qua đã có nhiều tác dụng cải tạo điều kiện khí hậu, phục vụ đời sống nhân dân một cách thiết thực như chống nóng bức, gió rét, bụi bặm, tiếng ồn; làm trong sạch không khí, đồng thời cũng đã tạo ra những nơi vui chơi, giải trí lành mạnh phục vụ số đông quần chúng, qua đó thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa nước ta.

Tuy vậy, trong hoàn cảnh đất nước trải qua cuộc chiến tranh phá hoại tàn khốc của giặc Mỹ, công tác cải tạo và xây dựng đô thị bị đình đốn, công tác cây xanh không phát triển. Nơi nào nhận thức được lợi ích của cây xanh đô thị và quan tâm chỉ đạo thì phong trào trồng cây, bảo vệ cây và các công viên, vườn hoa làm được tốt, điển hình là Hà-nội, Hải-phòng. Nhiều nơi công tác cây xanh không được chú ý, không có tổ chức chuyên trách, thiếu kế hoạch ươm và trồng cây, nên khi cần đến đã phải về Hà-nội để mua. Nhiều nơi đã trồng cây một cách tùy tiện và không đúng phương hướng như phát triển nhiều loại ăn quả (uhân, vải) vào trong các nội thị làm mất vệ sinh, những nơi cần trồng cây và sinh cách lý lại trồng những loại phong cảnh, những nơi có yêu cầu cao về sinh hoạt văn hóa và ý nghĩa lịch sử lại trồng loại cây phòng hộ. Nhiều nơi cây trồng không đúng tiêu chuẩn quy phạm xây dựng đô thị đã làm hư hỏng nhà cửa và các hệ thống công trình ngầm, hạn chế ánh sáng và gió mát.

Hiện nay miền Bắc nước ta đang bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, các đô thị sẽ được xây dựng to lớn theo đà phát triển công nghiệp. Công tác cây xanh ở đô thị cần phải phát triển mạnh để đáp ứng các yêu cầu phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống của nhân dân đô thị. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Ủy ban hành chính tỉnh, thành,